

**DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KỶ QUỸ THÁNG 04/2026
TẠI CTCP CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Ngày áp dụng: 02/04/2026

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
1	AAA	Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường Xanh An Phát	100	40	40	-	10,040
2	ACB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	100	50	50	-	33,750
3	AGG	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia	100	40	40	-	18,750
4	ANV	Công ty Cổ phần Nam Việt	100	50	50	-	32,180
5	ASM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai	100	30	30	-	7,950
6	BAF	Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam	100	50	50	-	25,960
7	BCM	Tổng Công ty Đầu tư và phát triển Công nghiệp - CTCP	100	40	40	-	68,050
8	BFC	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	100	50	50	-	67,680
9	BIC	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam	100	50	50	-	34,800
10	BID	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	57,680
11	BMI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	100	50	50	-	24,000
12	BMP	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	100	50	50	-	181,800
13	BSI	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100	50	50	-	47,650
14	BSR	Công ty cổ phần Lọc Hóa dầu Bình Sơn	100	50	50	-	35,470
15	BTP	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	100	30	30	-	12,660
16	BVH	Tập đoàn Bảo Việt	100	50	50	-	84,340
17	BVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	100	50	50	-	36,450
18	BWE	Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	100	50	50	-	62,330
19	CCL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long	100	20	30	(10)	7,170
20	CDC	Công ty Cổ phần Chương Dương	80	40	40	-	20,000
21	CEO	Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O	100	30	30	-	17,040
22	CII	Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	20,000
23	CLC	Công ty Cổ phần Cát Lợi	100	50	50	-	79,500
24	CMG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100	50	50	-	42,230
25	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	100	50	50	-	35,250
26	CSM	Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	100	30	30	-	17,700
27	CSV	Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam	100	40	50	(10)	38,700
28	CTD	Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	100	50	40	10	92,790
29	CTG	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	100	50	50	-	48,750
30	CTR	Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel	100	50	50	-	79,980
31	CTS	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	100	50	50	-	36,680
32	DBC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	100	50	50	-	33,000
33	DBT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	100	30	30	-	16,280
34	DCL	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long	100	40	40	-	30,000

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
35	DCM	Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	100	50	50	-	54,920
36	DGC	Công ty Cổ phần Bột giặt và Hoá chất Đức Giang	100	50	50	-	77,550
37	DGW	Công ty cổ phần Thế giới số	100	50	50	-	59,440
38	DHA	Công ty Cổ phần Hóa An	100	50	50	-	70,500
39	DHC	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	100	50	50	-	50,030
40	DHG	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang	100	50	50	-	140,410
41	DHT	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây	100	30	30	-	37,350
42	DIG	Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	100	50	50	-	19,200
43	DNP	Công ty Cổ phần DNP Holding	100	50	50	-	19,500
44	DPG	Công ty Cổ phần Đạt Phương	100	50	50	-	38,240
45	DPM	Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	40,000
46	DPR	Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú	100	40	50	(10)	56,100
47	DRC	Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	100	30	30	-	19,500
48	DSN	Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	100	50	50	-	56,930
49	DVP	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	100	50	50	-	102,900
50	DXG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh	100	30	30	-	19,580
51	EIB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	100	50	50	-	21,000
52	EVF	Công ty Tài Chính cổ phần Điện lực	100	50	50	-	15,000
53	FCN	Công ty Cổ phần Fecon	100	50	50	-	16,000
54	FIR	Công ty Cổ phần Địa ốc First Real	80	20	40	(20)	7,730
55	FMC	Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	100	50	50	-	53,850
56	FPT	Công ty Cổ phần FPT	100	50	50	-	109,650
57	FRT	CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT	100	50	50	-	125,170
58	FTS	Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT	100	50	50	-	27,010
59	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP	100	50	50	-	120,750
60	GEE	Công ty cổ phần Điện lực Gelex	100	40	40	-	131,190
61	GEG	Công ty cổ phần Điện Gia Lai	100	50	50	-	23,780
62	GEX	Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	100	50	50	-	21,000
63	GMD	Công ty Cổ phần Gemadept	100	50	50	-	70,000
64	GSP	Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	100	50	40	10	17,030
65	GVR	Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	100	50	50	-	41,600
66	HAH	Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	100	50	50	-	74,550
67	HAX	Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	100	30	30	-	11,800
68	HCM	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	100	50	50	-	28,650
69	HDB	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	100	50	50	-	36,450
70	HDC	Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu	100	40	40	-	24,450
71	HDG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	100	50	50	-	42,300
72	HHC	Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	100	40	30	10	90,600
73	HHV	CTCP Quản lý và Khai thác Hầm Đường Bộ Hải Vân	100	30	30	-	16,880
74	HMR	Công ty cổ phần Đá Hoàng Mai	100	30	30	-	13,800
75	HPG	Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	100	50	50	-	34,330

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
76	HQC	Công ty cổ phần Tư vấn-Thương mại-Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân	100	20	10	10	3,720
77	HSG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen	100	50	50	-	20,780
78	HTN	Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons	100	50	20	30	5,250
79	HUT	Công ty Cổ phần Tasco	100	50	50	-	16,000
80	IDC	Tổng công ty IDICO - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	63,600
81	IDI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I	100	30	30	-	9,770
82	IJC	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	100	30	40	(10)	15,080
83	IMP	Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM	100	50	50	-	71,720
84	KBC	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP	100	50	50	-	40,580
85	KDC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	100	30	30	-	74,250
86	KDH	Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền	100	40	40	-	36,000
87	KHP	Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	100	30	40	(10)	16,050
88	KSB	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương	100	50	50	-	24,000
89	LCG	Công ty cổ phần LICOGI 16	100	30	30	-	13,620
90	LIG	Công ty Cổ phần Licogi 13	100	20	20	-	5,400
91	LIX	Công ty Cổ phần Bột giặt Lix	100	50	50	-	47,330
92	LPB	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	100	50	50	-	54,530
93	MBB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	100	50	50	-	37,500
94	MBS	Công ty cổ phần Chứng khoán MB	100	50	50	-	33,150
95	MSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam	100	50	50	-	16,430
96	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan	100	50	50	-	90,000
97	MWG	Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	100	50	50	-	111,020
98	NAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á	100	50	50	-	18,750
99	NAF	Công ty Cổ phần Nafoods Group	100	40	40	-	73,280
100	NBB	Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bày	100	20	30	(10)	26,100
101	NCT	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	100	50	50	-	136,500
102	NET	Công ty Cổ phần Bột giặt Net	100	50	50	-	94,350
103	NKG	CTCP Thép Nam Kim	100	50	50	-	14,000
104	NLG	Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long	100	50	50	-	37,470
105	NNC	Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ	100	50	50	-	79,050
106	NT2	Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	100	50	50	-	36,980
107	NTL	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm	100	20	20	-	22,880
108	NTP	Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong	100	50	50	-	81,750
109	OCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông	100	50	50	-	16,050
110	PAC	Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam	100	50	50	-	20,850
111	PAN	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	100	50	50	-	42,000
112	PCI	Công ty cổ phần Xây lắp điện I	100	50	50	-	38,030
113	PDR	Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt	100	50	50	-	20,000
114	PET	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	100	50	50	-	35,000
115	PGC	Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP	100	50	50	-	20,180

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
116	PGD	Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	35,930
117	PGS	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	100	50	50	-	65,100
118	PHC	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	100	20	30	(10)	6,890
119	PHR	Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa	100	40	40	-	85,200
120	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP	100	20	50	(30)	33,450
121	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	100	50	40	10	54,570
122	PMC	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic	100	50	50	-	150,000
123	PNJ	Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	100	50	50	-	159,450
124	POW	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	15,480
125	PVB	Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	40,000
126	PVC	Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí-CTCP	100	50	50	-	19,190
127	PVD	CTCP Khoan và Dịch vụ Dầu Khí	100	50	50	-	36,730
128	PVG	Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Bắc	100	50	50	-	8,580
129	PVI	Công ty Cổ phần PVI	100	50	50	-	113,850
130	PVS	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	100	50	50	-	60,750
131	PVT	Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	100	50	50	-	31,880
132	REE	Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	100	50	50	-	93,560
133	S99	Công ty Cổ phần SCI	100	30	30	-	12,450
134	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	100	50	50	-	64,350
135	SAM	Công ty Cổ phần SAM Holdings	100	50	50	-	7,000
136	SBA	Công ty Cổ phần Sông Ba	100	50	50	-	42,300
137	SBT	Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	100	30	30	-	31,500
138	SCR	Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	100	40	40	-	5,520
139	SCS	Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	100	50	50	-	76,950
140	SHB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	16,000
141	SHI	Công ty cổ phần Quốc tế Sơn Hà	70	40	40	-	15,000
142	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	100	50	50	-	22,200
143	SIP	Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG	100	50	50	-	82,350
144	SJS	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	100	50	50	-	50,000
145	SLS	Công ty cổ phần Mía đường Sơn La	100	50	50	-	238,500
146	SRC	Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng	100	30	50	(20)	43,900
147	SSB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á	100	50	50	-	20,000
148	SSI	Công ty cổ phần Chứng khoán SSI	100	50	50	-	38,100
149	STB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	100	50	50	-	60,000
150	SVC	Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn	100	40	40	-	27,230
151	SZC	Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức	100	50	50	-	32,360
152	SZL	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	100	50	50	-	70,500
153	TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	100	50	50	-	43,350
154	TCH	Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	100	40	40	-	19,220

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
155	TCM	Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công	100	40	40	-	33,680
156	TDM	CTCP Nước Thủ Dầu Một	100	40	40	-	63,750
157	TIP	Công ty cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	100	50	40	10	27,750
158	TLG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long	100	50	50	-	71,250
159	TNC	Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất	100	40	40	-	43,060
160	TNG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG	100	40	50	(10)	34,050
161	TPB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong	100	50	50	-	22,650
162	TPP	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	100	50	50	-	10,400
163	TRA	Công ty Cổ phần TRAPHACO	100	50	50	-	101,100
164	TRC	Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh	100	50	50	-	100,200
165	TTL	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	100	50	50	-	8,000
166	TV2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	100	50	50	-	40,000
167	TVS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	100	50	50	-	19,950
168	VAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á	100	50	50	-	14,270
169	VC3	Công ty Cổ phần Xây dựng số 3	100	50	50	-	20,000
170	VCB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam	100	50	50	-	74,340
171	VCG	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	100	50	50	-	30,000
172	VCI	Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt	100	50	50	-	49,880
173	VCS	Công ty cổ phần VICOSTONE	100	50	50	-	58,950
174	VDS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	100	40	40	-	20,400
175	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP	100	50	50	-	63,080
176	VGS	Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE	100	30	50	(20)	32,550
177	VHC	Công ty Cổ phần Vinh Hoàn	100	50	50	-	83,850
178	VHM	Công ty cổ phần Vinhomes	100	50	50	-	147,000
179	VIB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam	100	50	50	-	24,450
180	VIC	Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	100	50	50	-	75,000
181	VIP	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	100	30	50	(20)	17,480
182	VIX	Công ty cổ phần Chứng khoán IB	100	50	50	-	12,000
183	VJC	Công ty cổ phần Hàng không VietJet	100	50	40	10	46,350
184	VND	Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	100	50	50	-	21,450
185	VNM	Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	100	50	50	-	88,960
186	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	100	50	50	-	36,000
187	VPI	Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	100	30	30	-	38,040
188	VRE	Công ty Cổ phần Vincom Retail	100	50	50	-	38030
189	VSC	Công ty cổ phần Tập đoàn Container Việt Nam	100	50	40	10	24760
190	VTP	Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel	100	50	50	0	100000
191	AAM	Công ty Cổ phần Thủy sản Mekong	0	0			0
192	ABR	công ty Cổ phần Đầu tư Nhân hiệu Việt	0	0			0
193	ABT	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	0	0			0
194	ACC	Công ty cổ phần Bê tông Becamex	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
195	ACG	Công ty Cổ phần Gỗ An Cường	0	0			0
196	ACL	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cửu Long An Giang	0	0			0
197	ADC	Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông	0	0			0
198	ADG	Công ty Cổ phần Clever Group	0	0			0
199	ADP	Công ty Cổ phần Sơn Á Đông	0	0			0
200	ADS	Công ty cổ phần Damsan	0	0			0
201	AGR	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank	50	0			0
202	ALT	Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình	0	0			0
203	AMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Á Châu	0	0			0
204	AME	Công ty Cổ phần Alphanam E&C	0	0			0
205	APG	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	50	0			0
206	ARM	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không	0	0			0
207	ASG	Công ty cổ phần Tập đoàn ASG	0	0			0
208	AST	Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco	0	0			0
209	ATS	Công ty cổ phần Suất ăn công nghiệp Atesco	0	0			0
210	BAB	Ngân hàng Thương mại cổ phần Bắc Á	0	0			0
211	BAX	Công ty Cổ phần Thống Nhất	0	0			0
212	BBS	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Bút Sơn	0	0			0
213	BCE	Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	0	0			0
214	BCF	Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền	0	0			0
215	BED	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	0	0			0
216	BHN	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	0	0			0
217	BKC	CTCP Khoáng sản Bắc Kan	0	0			0
218	BKG	Công ty Cổ phần Đầu tư BKG Việt Nam	0	0			0
219	BMC	Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định	0	0			0
220	BPC	Công ty cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn	0	0			0
221	BRC	Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	0	0			0
222	BTT	Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Bến Thành	0	0			0
223	BTW	Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành	0	0			0
224	BXH	Công ty cổ phần VICEM Bao bì Hải Phòng	0	0			0
225	C47	Công ty cổ phần Xây dựng 47	0	0			0
226	C69	Công ty Cổ phần Xây dựng 1369	0	0			0
227	CAN	CTCP Đồ hộp Hạ Long	0	0			0
228	CAP	Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Yên Bái	0	0			0
229	CAR	CTCP Tập đoàn Giáo dục Trí Việt	0	0			0
230	CCC	Công ty cổ phần Xây dựng CDC	0	0			0
231	CCI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi	0	0			0
232	CCR	Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh	0	0			0
233	CDN	Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	0	0			0
234	CHP	Công ty Cổ phần Thủy điện miền Trung	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
235	CIA	Cô phiêu Công ty cổ phần Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh	0	0			0
236	CJC	CTCP Cơ điện Miền Trung	0	0			0
237	CKG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	0	0			0
238	CKV	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cokyvina	0	0			0
239	CLH	Công ty cổ phần Xi măng La Hiên VVMI	0	0			0
240	CLL	Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	0	0			0
241	CLM	CTCP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	0	0			0
242	CLW	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	0	0			0
243	CMC	Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	0	0			0
244	CMS	Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	0	0			0
245	CMV	Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau	0	0			0
246	COM	Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu	0	0			0
247	CPC	Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ	0	0			0
248	CRC	Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	50	0			0
249	CRE	Công ty cổ phần Bất động sản Thế Kỳ	50	0			0
250	CSC	Công ty Cổ phần Tập đoàn COTANA	0	0			0
251	CST	Công ty cổ phần Than Cao Sơn - TKV	0	0			0
252	CTB	Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	0	0			0
253	CTF	Công ty cổ phần City Auto	0	0			0
254	CTI	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	50	0			0
255	CTP	Công ty cổ phần Hòa Bình Takara	0	0			0
256	CTT	CTCP Chế tạo máy Vinacomin	0	0			0
257	CVT	Công ty Cổ phần CMC	0	0			0
258	CX8	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Constrexim số 8	0	0			0
259	D11	Công ty Cổ phần Địa ốc 11	0	0			0
260	D2D	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2	0	0			0
261	DAD	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	0	0			0
262	DAE	Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Tp. Đà Nẵng	0	0			0
263	DAT	Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản	0	0			0
264	DBD	Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định	0	0			0
265	DC2	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển - Xây dựng số 2	0	0			0
266	DC4	Công ty Cổ phần DIC số 4	50	0			0
267	DIH	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An	0	0			0
268	DL1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai	0	0			0
269	DMC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco	0	0			0
270	DNC	Công ty Cổ phần Điện nước Lắp máy Hải Phòng	0	0			0
271	DP3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
272	DRL	Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3	0	0			0
273	DSC	Công ty cổ phần Chứng khoán DSC	0	0			0
274	DSE	CTCP Chứng khoán DNSE	50	0			0
275	DST	Công ty Cổ phần Đầu tư Sao Thăng Long	0	0			0
276	DTA	Công ty Cổ phần Đệ Tam	0	0			0
277	DTD	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt	50	0			0
278	DTG	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tipharco	0	0			0
279	DTK	Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP	0	0			0
280	DTT	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành	0	0			0
281	DVM	Công ty Cổ phần Dược liệu Việt Nam	50	0			0
282	DXP	Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá	50	0			0
283	DXS	CTCP Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh	50	0			0
284	EBS	Cổ phiếu CTCP Sách giáo dục tại Tp Hà Nội	0	0			0
285	EID	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	0	0			0
286	ELC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	50	0			0
287	EVE	Công ty cổ phần Everpia	0	0			0
288	EVG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Everland	0	0			0
289	EVS	Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Everest	0	0			0
290	FCM	Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON	0	0			0
291	FIT	Công ty cổ phần Tập đoàn F.I.T	0	0			0
292	GDW	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	0	0			0
293	GIC	Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh	0	0			0
294	GLT	CTCP Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	0	0			0
295	GMH	Công ty cổ phần Minh Hưng Quảng Trị	0	0			0
296	GMX	Công ty cổ phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân	0	0			0
297	GTA	Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Thuận An	0	0			0
298	HAD	Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương	0	0			0
299	HAG	Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	50	0			0
300	HAR	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bất động sản An Dương Thảo Điền	0	0			0
301	HAT	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	0	0			0
302	HCC	Công ty Cổ phần Bê tông Hoà Cẩm - Intimex	0	0			0
303	HCD	Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD	0	0			0
304	HDA	CTCP Hãng sơn Đông Á	0	0			0
305	HGM	Cổ phiếu CTCP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang	0	0			0
306	HHP	Công ty cổ phần Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	50	0			0
307	HHS	Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	50	0			0
308	HII	Công ty Cổ phần Nhựa và Khoáng sản An Phát – Yên Bái	0	0			0
309	HJS	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	0	0			0
310	HKT	Công ty Cổ phần Chè Hiệp Khánh	0	0			0
311	HLC	CTCP Than Hà Lâm - Vinacomin	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
312	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND	0	0			0
313	HMC	Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel	0	0			0
314	HMH	Công ty Cổ phần Hải Minh	0	0			0
315	HNA	Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	0	0			0
316	HPX	Công ty cổ phần Đầu tư Hải Phát	0	0			0
317	HRC	Công ty Cổ phần Cao su Hòa Bình	0	0			0
318	HSL	Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Hồng Hà Sơn La	0	0			0
319	HT1	Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	0	0			0
320	HTC	Công ty Cổ phần Thương mại Học Môn	0	0			0
321	HTG	Tổng Công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ	0	0			0
322	HTI	Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO	0	0			0
323	HTL	Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Ô tô Trường Long	0	0			0
324	HTV	Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	0	0			0
325	HU1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	0	0			0
326	HUB	Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế	0	0			0
327	HVH	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC	0	0			0
328	HVT	Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì	0	0			0
329	ICT	Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	0	0			0
330	IDV	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc	0	0			0
331	ILB	Cổ phiếu Công ty cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	0	0			0
332	INC	Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	0	0			0
333	INN	Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp	0	0			0
334	IPA	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	0	0			0
335	ITC	Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh nhà	0	0			0
336	ITD	Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong	0	0			0
337	ITQ	Công ty cổ phần Tập đoàn Thiên Quang	0	0			0
338	IVS	Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam	0	0			0
339	KHG	Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land	50	0			0
340	KHS	Công ty Cổ phần Kiên Hùng	0	0			0
341	KMR	Công ty Cổ phần Mirae	0	0			0
342	KMT	Công ty cổ phần Kim khí miền Trung	0	0			0
343	KOS	Công ty Cổ phần Kosy	0	0			0
344	KSF	Công ty cổ phần Tập đoàn KSFinance	0	0			0
345	KST	Công ty cổ phần KASATI	0	0			0
346	KSV	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	0	0			0
347	KTS	Công ty cổ phần Đường Kon Tum	0	0			0
348	L10	Công ty cổ phần Lilama 10	0	0			0
349	L14	Công ty CP LICOGI 14	0	0			0
350	L18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18	0	0			0
351	L40	CTCP Đầu tư và Xây dựng 40	50	0			0
352	LAF	Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
353	LAS	Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	50	0			0
354	LBE	Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ LVA	0	0			0
355	LBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu xây dựng Lâm Đồng	0	0			0
356	LCD	ctcp Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện	0	0			0
357	LGC	Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	0	0			0
358	LGL	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	0	0			0
359	LHC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng	0	0			0
360	LHG	Công ty cổ phần Long Hậu	0	0			0
361	LM8	Công ty Cổ phần Lilama 18	0	0			0
362	LSS	Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	0	0			0
363	MAC	Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	0	0			0
364	MBG	CTCP Tập Đoàn MBG	0	0			0
365	MCC	Công ty Cổ phần Gạch ngói cao cấp	0	0			0
366	MCF	CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	0	0			0
367	MCM	CTCP Giống bò sữa Mộc Châu	0	0			0
368	MCO	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng BDC Việt Nam	0	0			0
369	MCP	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	0	0			0
370	MDC	Công ty cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	0	0			0
371	MEL	Công ty Cổ phần Thép Mê Lin	0	0			0
372	MHC	Công ty Cổ phần MHC	0	0			0
373	MIC	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	0	0			0
374	MIG	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	50	0			0
375	MKV	Công ty Cổ phần Dược Thú y Cai Lậy	0	0			0
376	MSH	Công ty cổ phần May Sông Hồng	50	0			0
377	MST	CTCP Đầu tư MST	50	0			0
378	MVB	Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	0	0			0
379	NAG	Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa	50	0			0
380	NAP	Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	0	0			0
381	NAV	Công ty Cổ phần Nam Việt	0	0			0
382	NBC	Công ty cổ phần Than Núi Béo – Vinacomin	50	0			0
383	NBW	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè	0	0			0
384	NDN	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	50	0			0
385	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng	0	0			0
386	NFC	Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	0	0			0
387	NHA	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội	0	0			0
388	NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	0	0			0
389	NHH	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	0	0			0
390	NHT	Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Nam Hoa	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
391	NO1	Công ty cổ phần Tập đoàn 911	0	0			0
392	NSC	Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương	0	0			0
393	NSH	Công ty Cổ phần Nhôm Sông Hồng	0	0			0
394	NST	Cổ phiếu CTCP Ngân Sơn	0	0			0
395	NTH	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước trong	0	0			0
396	ONE	CTCP Công nghệ ONE	0	0			0
397	OPC	Công ty cổ phần Dược phẩm OPC	0	0			0
398	ORS	Công ty cổ phần Chứng khoán Phương Đông	50	0			0
399	PBP	Công ty cổ phần Bao bì Dầu khí Việt Nam	0	0			0
400	PCE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	0	0			0
401	PCH	Công ty cổ phần Nhựa Picomat	0	0			0
402	PCT	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	0	0			0
403	PDB	Công ty Cổ phần Pacific Dinco	0	0			0
404	PDN	Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	0	0			0
405	PGI	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	0	0			0
406	PGV	Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	0	0			0
407	PHN	Công ty Cổ phần Pin Hà Nội	0	0			0
408	PIA	Công ty cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	0	0			0
409	PIC	Công ty cổ phần Đầu tư Điện lực 3	0	0			0
410	PJC	Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Petrolimex Hà Nội	0	0			0
411	PJT	Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	0	0			0
412	PLP	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	0	0			0
413	PMB	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	0	0			0
414	PMP	Công ty cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	0	0			0
415	PMS	Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu	0	0			0
416	PNC	Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam	0	0			0
417	PPC	Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	50	0			0
418	PPP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú	0	0			0
419	PPS	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	0	0			0
420	PPT	Công ty cổ phần Petro Times	0	0			0
421	PPY	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên	0	0			0
422	PRC	Công ty Cổ phần Logistics Portserco	0	0			0
423	PRE	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm PVI	0	0			0
424	PSC	Công ty cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Sài Gòn	0	0			0
425	PSD	Công ty cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí	0	0			0
426	PSE	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	0	0			0
427	PSW	Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
428	PTB	Công ty Cổ phần Phú Tài	0	0			0
429	PTC	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	0	0			0
430	PTI	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	0	0			0
431	PTS	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	0	0			0
432	PTX	CTCP Vận tải và dịch vụ Petrolimex Nghệ Tĩnh	0	0			0
433	PVP	Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Thái Bình Dương	50	0			0
434	QCG	Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai	0	0			0
435	QHD	Công ty Cổ phần Que hàn điện Việt Đức	0	0			0
436	QNP	CTCP Cảng Quy Nhơn	0	0			0
437	QST	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh	0	0			0
438	QTC	Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam	0	0			0
439	RAL	Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	0	0			0
440	RCL	Công ty Cổ phần Địa ốc Chợ Lớn	0	0			0
441	RYG	Công ty cổ phần Sản xuất và Đầu tư Hoàng Gia	0	0			0
442	S4A	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A	0	0			0
443	S55	Công ty Cổ phần Sông Đà 505	0	0			0
444	SAF	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	0	0			0
445	SBG	CTCP Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba	0	0			0
446	SC5	Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	0	0			0
447	SCG	Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng SCG	0	0			0
448	SCI	Công ty Cổ phần SCI E&C	0	0			0
449	SD5	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	0	0			0
450	SD9	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	0	0			0
451	SDC	Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	0	0			0
452	SDG	Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ	0	0			0
453	SDN	Công ty Cổ phần Sơn Đồng Nai	0	0			0
454	SEB	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Trung	0	0			0
455	SED	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	0	0			0
456	SFC	Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	0	0			0
457	SFG	Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	0	0			0
458	SFI	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	0	0			0
459	SFN	Công ty Cổ phần Dệt lưới Sài Gòn	0	0			0
460	SGC	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Sa Giang	0	0			0
461	SGH	Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn	0	0			0
462	SGN	Công ty cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	0	0			0
463	SGR	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn	50	0			0
464	SGT	Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	0	0			0
465	SHA	Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	0	0			0
466	SHE	Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
467	SHN	Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	0	0			0
468	SHP	Công ty cổ phần Thủy điện Miền Nam	0	0			0
469	SJ1	Công ty cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu	0	0			0
470	SJD	CTCP THUY DIEN CAN DON	0	0			0
471	SJE	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	0	0			0
472	SKG	Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang	0	0			0
473	SMB	Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung	0	0			0
474	SMN	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	0	0			0
475	SSC	Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Miền Nam	0	0			0
476	STC	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Tp. Hồ Chí Minh	0	0			0
477	STK	Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ	0	0			0
478	STP	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà	0	0			0
479	SVN	Công ty cổ phần SOLAVINA	0	0			0
480	SVT	Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	0	0			0
481	SZB	Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình	0	0			0
482	TA9	Công ty Cổ phần Xây lắp Thành An 96	0	0			0
483	TAL	Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco	50	0			0
484	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà	0	0			0
485	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công	0	0			0
486	TCL	Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	0	0			0
487	TCO	Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải	50	0			0
488	TCT	Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh	0	0			0
489	TD6	Công ty cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV	0	0			0
490	TDC	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	0	0			0
491	TDG	Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Dương	0	0			0
492	TDP	Công ty cổ phần Thuận Đức	50	0			0
493	TDT	Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT	0	0			0
494	TDW	CTCP CAP NUOC THU DUC	0	0			0
495	TEG	Công ty cổ phần Năng lượng và Bất động sản Trường Thành	0	0			0
496	TET	Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc	0	0			0
497	TFC	Công ty Cổ phần Trang	0	0			0
498	THD	Công ty Cổ phần Thaiholdings	0	0			0
499	THG	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang	0	0			0
500	THS	Công ty cổ phần Thanh Hoa - Sông Đà	0	0			0
501	TIG	Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	50	0			0
502	TJC	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	0	0			0
503	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang	0	0			0
504	TLD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Thăng Long	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
505	TMB	Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin	0	0			0
506	TMC	Công ty Cổ phần Thương mại - Xuất nhập khẩu Thủ Đức	0	0			0
507	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ	0	0			0
508	TMS	Công ty Cổ phần Transimex	0	0			0
509	TMX	Công ty cổ phần VICEM Thương mại Xi măng	0	0			0
510	TN1	Cô phiếu Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings	0	0			0
511	TNT	Công ty Cổ phần Tài nguyên	0	0			0
512	TOT	CTCP Transimex Logistics	0	0			0
513	TPC	Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng	0	0			0
514	TSB	Công ty Cổ phần Ấc quy Tia sáng	0	0			0
515	TTA	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành	50	0			0
516	TTC	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	0	0			0
517	TTT	Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh	0	0			0
518	TV3	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	0	0			0
519	TV4	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	0	0			0
520	TVB	Công ty Cổ phần Chứng khoán Trí Việt	0	0			0
521	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt	0	0			0
522	TVD	Công ty cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	50	0			0
523	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	0	0			0
524	TYA	Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam	0	0			0
525	UIC	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico	0	0			0
526	UNI	CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt	0	0			0
527	V12	Công ty Cổ phần Xây dựng số 12	0	0			0
528	V21	Công ty Cổ phần VINACONEX 21	0	0			0
529	VBC	Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	0	0			0
530	VC1	Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	0	0			0
531	VC6	Công ty Cổ phần Vinaconex 6	0	0			0
532	VC7	Công ty Cổ phần Xây dựng số 7	0	0			0
533	VCC	Công ty Cổ phần Vinaconex 25	0	0			0
534	VCF	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	0	0			0
535	VCM	CTCP BV LIFE	0	0			0
536	VDL	CTCP Thực phẩm Lâm Đồng	0	0			0
537	VDP	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương VIDIPHA	0	0			0
538	VFG	Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam	0	0			0
539	VFS	Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	50	0			0
540	VGP	CTCP Càng rau quả	0	0			0
541	VHE	Cô phiếu Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam	0	0			0
542	VID	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	0	0			0
543	VIF	Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP	0	0			0

STT	Mã CK	Tên Công ty	Tỉ lệ định giá tháng 04/2026(%)	Tỷ lệ cho vay			Giá chặn đánh giá sở hữu T04/2026 (đồng)
				Tỷ lệ cho vay tháng T04/2026	Tỷ lệ cho vay tháng T02/2026	Thay đổi	
544	VIT	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA TIỀN SƠN	0	0			0
545	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang	0	0			0
546	VMC	Công ty cổ phần VIMECO	0	0			0
547	VMS	CTCP Phát triển Hàng hải	0	0			0
548	VNC	Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol	0	0			0
549	VNF	Công ty cổ phần Vinafreight	0	0			0
550	VNL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	0	0			0
551	VNR	Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	0	0			0
552	VNS	Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	0	0			0
553	VPD	CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam	0	0			0
554	VPG	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xuất nhập khẩu Việt Phát	0	0			0
555	VPL	Công ty cổ phần Vinpearl	50	0			0
556	VPS	CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam	0	0			0
557	VRC	Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC	0	0			0
558	VSA	Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	0	0			0
559	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn -Sông Hinh	0	0			0
560	VSI	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	0	0			0
561	VSM	Công ty Cổ phần Container Miền Trung	0	0			0
562	VTB	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	0	0			0
563	VTH	Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	0	0			0
564	VTZ	Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành	50	0			0
565	WCS	Công ty Cổ phần Bến xe Miền Tây	0	0			0
566	WSS	Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	0	0			0
567	X20	Công ty cổ phần X20	0	0			0
568	YBM	Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Yên Bái	0	0			0
569	YEG	Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1	0	0			0